

# Sự đa tầng văn hoá trong lễ hội Chèo Tàu

NGUYỄN XUÂN HÙNG\*

**T**hông thường mỗi lễ hội thường gắn với một truyền thuyết cụ thể về công đức hay hành trạng của một nhân vật anh hùng. Hoặc có thể lễ hội ở nhiều nơi cùng là tôn thờ một vị anh hùng dân tộc gắn liền với các truyền thuyết khác nhau. Các lễ hội thờ Hai Bà Trưng ở Hạ Lôi, Đông Nhân và Hát Môn... là trường hợp như vậy. Đó là các trường hợp phổ biến của lễ hội ở Việt Nam nói chung và Đồng bằng Bắc Bộ nói riêng. Nhưng lễ hội Chèo Tàu ở Tân Hội, Đan Phượng, Hà Tây lại là trường hợp đặc biệt. Lễ hội gắn liền với không chỉ một mà là tới ba hệ truyền thuyết khác nhau về các nhân vật lịch sử. Hệ truyền thuyết thứ nhất gắn liền với những chiến công của Hai Bà Trưng trong cuộc chiến chống quân Nam Hán (năm 40), do đó trong lễ hội mới có hình ảnh con tàu, cái tàu và toàn là nữ giới là diễn lại cảnh ra trận của quân tướng Hai Bà Trưng mà rõ nhất là hình tượng người con

gái ngồi trên lưng voi (xem ảnh). Hệ truyền thuyết thứ hai lại nhằm lý giải cảnh hội quân của Triệu Quang Phục và Lý Phật Tử (năm 549) với quân của Lý Phật Tử đi voi trên cạn còn quân của Triệu Quang Phục đi thuyền, dưới nước, dầm lầy. Hệ truyền thuyết thứ ba còn lưu truyền rộng rãi hơn cả và theo chúng tôi là muộn hơn là những truyền thuyết gắn liền với hành trạng và chiến công của vị thần thành hoàng làng Văn Dĩ Thành.

Điều này tạo nên sự độc đáo của lễ hội và hứng thú đối với người tham dự hội cũng như các nhà nghiên cứu văn hoá dân gian. Đây là trường hợp độc đáo, nhưng chắc chắn không phải là duy nhất, do đó cần có sự đầu tư nghiên cứu lễ hội theo cái nhìn lịch đại nhiều hơn nữa, chắc chắn chúng ta sẽ giải mã được nhiều điều lý thú.

Qua sự phức hợp nhiều hệ truyền thuyết, nhiều cách lý giải nguồn gốc lễ hội

---

\* Nguyễn Xuân Hùng, Báo Lao động

trên, chúng tôi nhận thấy lễ hội Chèo Tàu chính là nơi hội tụ, nguyên hợp nhiều thành tố văn hoá dân gian. Ở đó có văn học dân gian thông qua các truyền thuyết về các nhân vật lịch sử, có các tín ngưỡng dân gian từ tín ngưỡng nông nghiệp với tục cầu mưa và nghi thức phồn thực đến tín ngưỡng thờ thành hoàng, thờ anh hùng dân tộc, tín ngưỡng bách nghệ tổ sư. Ở đó có sự pha trộn và ghi dấu ấn của các hệ tư tưởng Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo... ở đó có các hoạt động lễ và hội, đặc biệt còn có hình thức hát dân ca nghi lễ - điệu độc đáo so với nhiều lễ hội khác... Ngay đến người tham gia lễ hội cũng đặc biệt toàn là phụ nữ...

Với hàng loạt các yếu tố văn hoá chồng chéo, đan xen lẫn nhau như vậy, vấn đề đặt ra là có nên bóc tách rõ ràng để khẳng định theo một chiều hướng cụ thể nào không? Thực tế đã có nhiều quan điểm khác nhau không chỉ trong quần chúng nhân dân địa phương mà ngay cả các nhà nghiên cứu. Có quan điểm cho rằng lễ hội là để tôn thờ Hai Bà Trưng [Nguyễn Hữu Thu - 12; tr56] có người lại cho đó là hội tôn thờ Văn Dì Thành [Trần Bảo Hưng - Nguyễn Đăng Hoè - 18; tr76] có quan điểm lại chấp nhận tất cả nhưng vẫn đặt việc thờ Văn Dì Thành lên cao nhất (Nguyễn Xuân Kính - 13; 32)... Cũng chính vì vậy, ngay việc thờ thành hoàng làng Văn Dì Thành cũng có ý kiến khác nhau, đó là thành hoàng làng có công giúp dân diệt quỷ trừ tà, làm thuốc chữa bệnh

hay là vị anh hùng có công dẹp giặc ... Có rất nhiều vấn đề được đặt ra.

Trước khi đi tìm câu trả lời cho các vấn đề đó, cần phải khẳng định lại một lần nữa rằng không thể có một sinh hoạt văn hoá dân gian nào có tính nguyên hợp cao như lễ hội. Lễ hội không dành riêng cho ai cả, dù giai cấp phong kiến có cố lôi kéo lễ hội về phía mình thông qua nhiều hoạt động như sắc phong, xây đền... thì lễ hội về cơ bản vẫn là lễ hội của nhân dân. Trong lễ hội, mọi người đều bình đẳng, dân chủ được thực hiện, ở đó không kể sang hèn, trai gái... mà chỉ có niềm tin, đức tin và lòng thành kính. Ở đó, mọi "mặt nạ" được tạm thời tháo gỡ, chỉ còn lại là bản chất người đẹp nhất. Vì thế lễ hội chính là nơi cộng cảm và cộng mệnh của cộng đồng người.

Chính vì tính chất tổng hợp của lễ hội như vậy mà việc lễ hội Chèo Tàu chứa đựng sự đa dạng, đa tầng văn hoá là điều bình thường.

Chúng tôi rất tâm đắc với những luận điểm của cố Giáo sư Trần Quốc Vượng trong bài "*Lễ hội - một cái nhìn tổng thể*". Giáo sư viết: "*Phải kết hợp cái nhìn sinh thái học với cái nhìn tiến hoá (hay cái nhìn diễn tiến) với nhiều tầng, nhiều lớp văn hoá sớm muộn, nội sinh và ngoại sinh, chồng xếp và đan xen nhau trong một lễ hội, thậm chí có hiện tượng hỗn hợp, xáo trộn, có trật tự nghịch đảo... trong lễ hội*" [19; tr194].

Điều này không chỉ diễn ra đối với lễ hội ở Việt Nam mà còn là điều diễn ra ở lễ hội các nước khác. Một cách khái quát nhất, tiến sĩ M.K.Moossinamhow khi nghiên cứu lễ hội ở Molusca đã đưa ra kết luận: *“Chúng ta có thể khái niệm hoá, khái quát hoá kết quả của các tiến trình ấy như là thể hiện ở các tầng lớp (văn hoá) tương liên với nhau. Qua các tầng lớp (văn hoá) ấy, xã hội Indônêxia thể hiện ít nhất là ba loại hình lễ hội, trong đó có: Loại hình 1 là tầng lớp lắng đọng ở dưới đáy bao gồm các nền văn hoá tộc người của cư dân bản địa. Tầng thứ hai tính từ đáy lên được tạo nên bởi các ảnh hưởng của Ấn Độ giáo và Phật giáo. Tầng lớp thứ ba tính từ đáy lên, được tạo nên bởi ảnh hưởng văn hoá Hồi giáo. Tầng thứ tư được tạo nên bởi hệ thống xã hội - chính trị của chế độ thuộc địa phương Tây, một tầng lớp về sau được thay thế bởi hệ thống xã hội - chính trị của dân tộc [15; tr118].*

Ở Việt Nam - một đất nước với bề dày lịch sử bốn nghìn năm với bao thăng trầm, các lễ hội cũng có sự diễn tiến, thay đổi dạng thức và tính chất qua các thời kỳ, vì vậy không khó để chỉ ra các lớp văn hoá khác nhau ở cùng một lễ hội. Chẳng hạn, lễ hội Dóng, bằng vào sự hiểu biết hiện nay thì lễ hội tái hiện sự kiện lịch sử suy tôn anh hùng chống ngoại xâm là thánh Dóng. Nhưng thực chất đó chỉ là chủ đề được đắp vào, ~~phủ~~ phủ lên một nhân lõi cổ sơ hơn: Đấy là nghi thức lấy nước, rước nước được cử hành trang trọng ngay đầu mở

hội... hay lễ hội Đồng Nhân, tục thờ Hai Bà Trưng chỉ mới bắt đầu có từ đời Lý Anh Tông (thế kỷ XII) [1; tr 93].

Và lễ rước nước thì có từ trước thời điểm đó. Sự đa tầng văn hoá trong lễ hội không chỉ thể hiện ở các tầng lớp sớm - muộn rõ ràng như ở trên mà có khi nó là sự tổng hợp các loại tín ngưỡng mà bóc tách ra được là rất khó. Chẳng hạn ở lễ hội Chùa Hương vừa có lớp Phật giáo tịnh độ tông thể hiện qua việc thờ Thích ca... nhưng song song là tín ngưỡng thờ hổ, sức mạnh thần núi (lễ mở cửa rừng, đền Trình...)

Đặt lễ hội Chèo Tàu ở Tân Hội - Đan Phượng - Hà Tây trong quy luật chung ấy càng thấy rõ hơn cái độc đáo và giá trị của lễ hội. Và như vậy, chúng ta hoàn toàn chấp nhận và khẳng định sự tồn tại song song cùng lúc nhiều hệ truyền thuyết xung quanh (nhiều cách giải thích nguồn gốc), nhiều lớp tín ngưỡng, nhiều ý thức hệ mà không cần và không thể khẳng định duy nhất một yếu tố nào. Bởi vì *“Sự bồi đắp của các lớp văn hoá muộn sau này chỉ càng làm phong phú hơn mà thôi” [Tín ngưỡng và sinh hoạt văn hoá cộng đồng - Lê Hồng Lý [15; trang 683].*

Về hiện tượng thờ cúng Văn Dị Thành ban đầu chỉ là thờ vị thành hoàng làng có công giúp dân lập làng, chữa bệnh trừ hoạ cho dân nhưng sau đó lại được truyền thuyết kể và truyền tụng, thờ phụng cho tới ngày hôm nay cũng là hiện tượng thường thấy mà theo Trần Quốc Vượng,

đó chính là *cái vênh giữa lễ thức và huyền tích*, [19; 114] việc một vị thần thợ rào có công giúp dân đến anh hùng văn hoá và anh hùng chống giặc ngoại xâm cũng là điều nằm trong quy luật ấy.

Lễ hội Chèo Tàu đã chứng minh rõ hơn nữa tính chất đa tầng văn hoá của lễ hội như nhà nghiên cứu văn hoá dân gian Nguyễn Xuân Kính cũng đã khẳng định: *“Trong một lễ hội thường có nhiều lớp ý nghĩa, nhiều mục đích, nhiều tầng văn hoá... [13; tr77]* và từ đó chúng tôi muốn khẳng định hơn nữa phương pháp nghiên cứu lễ hội cổ truyền của dân tộc. Giáo sư Trần Quốc Vượng đã khẳng định: *“phương pháp nghiên cứu tổng hợp là một phương pháp đúng về nguyên tắc với bất cứ việc nghiên cứu nào về bất cứ một vấn đề gì [19; 191]* nhất lại là đối với nghiên cứu lễ hội. Người nghiên cứu lễ hội không chỉ là miêu thuật mà còn phải vận dụng nhiều phương pháp của nhiều ngành khoa học khác nhau như sử học, dân tộc học, khảo cổ học... đặc biệt là không thể nào bỏ qua được truyền thuyết dân gian bởi truyền thuyết chính là cái cốt, cái hồn, cái gốc của lễ hội. Một lễ hội mà không dựa vào truyền thuyết thì lễ hội đó không thể đứng vững. Cụ thể với lễ hội Chèo Tàu, lâu nay việc nghiên cứu lễ hội về phương diện văn học dân gian chưa được chú trọng nhiều, muốn khôi phục và phát triển lễ hội này, điều trước hết phải tập trung nghiên cứu các hệ truyền thuyết để từ đó xác định ý nghĩa và xây dựng hình

thức thực hành tín ngưỡng, lễ hội cho đúng với bản chất văn hoá cần có của lễ hội. Phải nghiên cứu để xác định được rằng sự cùng tồn tại nhiều truyền thuyết trong lễ hội này là điều phong phú, đặc sắc và độc đáo riêng chứ không phải là để thêm phức tạp cho việc khôi phục lễ hội.

Đến đây cần khẳng định tính nguyên hợp tồn tại như một lễ đương nhiên trong lễ hội. Hơn nữa với lễ hội Chèo Tàu vùng Gối, chính vị trí địa lý, ý thức lịch sử và các hình thức sinh hoạt cộng đồng của nhân dân đã chi phối nhiều trong việc tiếp nhận và hoà đồng nhiều hệ truyền thuyết, nhiều yếu tố tín ngưỡng dân gian. Vùng Gối là một vùng đất cổ với vị trí địa lý tiếp giáp với nhiều vùng văn hoá khác nhau, là nơi chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc, đó là cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng diễn ra trên đất Mê Linh (Vĩnh Phúc) và dọc theo dòng Hát giang, là cuộc hội quân lịch sử của Triệu Quang Phục và Lý Phật Tử, là bao lớp cha anh đứng lên chống giặc ngoại xâm... chính truyền thống quê hương đó đã hun đúc cho nhân dân vùng Gối tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc và niềm tự hào về các vị anh hùng chống giặc ngoại xâm. Vừa là cửa ngõ thủ đô"-vùng văn hoá đất kinh kỳ lại tiếp giáp với vùng kinh bắc với nhiều làn điệu dân ca mượt mà sâu lắng, lại nằm trong vùng đồng bằng chiêm trũng với nhiều hội hè đình đám... chính vì vậy, người dân vùng Gối dễ dàng trong việc tiếp biến

các yếu tố văn hoá khác nhau, đặc biệt trong việc hình thành làn điệu hát Chèo Tàu rất riêng, rất độc đáo. Do đó trong lễ hội Chèo Tàu ta dễ dàng cảm nhận được sự lịch lãm trong lời ca tiếng hát của đất kinh kỳ, sự mượt mà tình tứ của những làn dân ca quan họ, và hơn hết, từ hành động hội cho đến lời ca tiếng hát đều thấm đẫm niềm tự hào về những vị anh hùng của quê hương đã đứng lên giữ gìn non sông đất nước.

Chính các yếu tố ấy đã góp phần quan trọng trong việc thu hút các hệ truyền thuyết khác nhau và cùng song song tồn tại nhiều lớp tín ngưỡng văn hoá dân gian.

Đó chính là lý do để chúng ta cần khôi phục lại lễ hội này với đầy đủ các tính chất đa dạng và độc đáo của nó./.

## TÀI LIỆU THAM THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Phúc, *Truyền thuyết và lễ hội về Hai Bà Trưng ở Hát Môn-Phúc Thọ - Hà Tây*, Luận văn thạc sĩ ĐHSP Hà Nội; Hà Nội 2004
2. Lê Văn Kỳ, *Mối quan hệ giữa truyền thuyết người Việt và hội lễ về các anh hùng*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996
3. Lê Văn Kỳ, *Lễ hội nông nghiệp Việt Nam*, NXB Văn hoá dân tộc; Hà Nội, 2002
4. *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983
5. Nguyễn Hữu Thức, *Văn hoá dân gian Hà Tây và việc chấn hưng văn hoá địa phương*, Luận án PTS Văn học, Hà Nội, 2001
6. Đỗ Doãn Phương, *Gặp người giữ hồn Chèo Tàu*, Báo điện tử VietNamNet
7. Lê Trung Vũ, *Lễ hội cổ truyền*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995
8. Lê Văn Kỳ, *Mối quan hệ giữa truyền thuyết người Việt và hội lễ về các anh hùng*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997
9. Nguyễn Dữ - *Truyện kỳ mạn lục*, Nguyễn Duy Lượng
10. *Côi Lâm tiểu dẫn*, Bản chép tay thư viện Viện Hán Nôm - kí hiệu A 11221922
11. Nguyễn Hữu Thu, *Hội chèo vùng Gôi*, Hội văn nghệ Hà Nội; Hà Nội, 1978
12. Nguyễn Hữu Thu, *Hội hát Chèo Tàu phải chăng là ngày hội truyền thống kỷ niệm của Hai Bà Trưng*; Tạp chí dân tộc học số 2; Hà Nội, 1978
13. Nguyễn Xuân Kính, *Con người, môi trường và văn hoá*, NXB Khoa học xã hội; Hà Nội, 2003
14. Nhiều tác giả, *Một số vấn đề văn hiến Hà Tây*, Sở Văn hoá Thông tin Hà Tây; Hà Tây, 2004
15. Nhiều tác giả - Đinh Gia Khánh - Lê Hữu Tầng (chủ biên), *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại*, NXB Khoa học xã hội; Hà Nội 1993
16. Nhiều tác giả - Nguyễn Minh Nhượng chủ biên, *Nghiên cứu khôi phục và phát triển dân ca Hà Tây*; Sở Văn hoá Thông tin Hà Tây; Hà Tây, 2003
17. Quách Duy Bích, *Nghệ truyền thống của quê hương hát Chèo Tàu*, Báo điện tử VietNamNet
18. Trần Bảo Hưng, Nguyễn Đăng Hoà, *Hát D' - hát Chèo Tàu*, Sở Văn hoá Thông tin Hà Tây, Tái bản lần II - 1998
19. Trần Quốc Vượng, *Văn hoá Việt Nam - tìm tòi và suy ngẫm*. NXB Văn học; Hà Nội, 2003
20. Trí Công, *Chèo Tàu tổng Gôi*, Tạp chí Báo ảnh Việt Nam, số 546 tháng 6 năm 2004